TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2025/DS-PT
Ngày: 05 - 9 - 2025
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Ngọc Quí - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2024/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 131/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Công B, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L (nay là xã P), tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đinh Công T: Ông Đinh Công T; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L (nay là xã P), tỉnh Vĩnh Long. (Giấy uỷ quyền ngày 14/4/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đinh Công

B: Luật sư Ung Văn H – Công ty TNHH MTV L2 – Chi nhánh V2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1948 (chết năm 2022); Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1:

1. Bà Đặng Thị Kim C.

2. Bà Đặng Thị Kim T2.

3. Bà Đặng Thị Bé L.

4. Bà Đặng Thị H1.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1: Bà Huỳnh Thị Kiều D; Địa chỉ: 7, khóm D, phường C, thành phố V (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long. (Giấy uỷ quyền ngày 24/3/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Hồng T3, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Trần Văn H2, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số I, tổ D, Ấp Đ, xã Đ, thị xã B (nay là phường Đ), tỉnh Vĩnh Long.

3. Ông Đinh Công T4, sinh năm 1954; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L (nay là xã P), tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Đinh Thị M, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L (nay là xã P), tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà Đinh Thị H3, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L (nay là xã P), tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà Đinh Thị Tuyết H4; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L (nay là xã P), tỉnh Vĩnh Long.

7. Bà Đinh Thị M1; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L (nay là xã P), tỉnh Vĩnh Long.

8. Ông Đinh Công T5; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L (nay là xã P), tỉnh Vĩnh Long.

9. Bà Trần Thị O, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B (nay là phường Đ), tỉnh Vĩnh Long.

10. Ông Trần Văn T6; Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B (nay là phường Đ), tỉnh Vĩnh Long.

11. Ông Trần Văn S; Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B (nay là phường Đ), tỉnh Vĩnh Long.

12. Bà Trần Thị V; Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T (nay là xã T), tỉnh Vĩnh Long.

13. Bà Đoàn Đào V1, sinh năm 1963.

14. Bà Đặng Thị Kim C.

15. Bà Đặng Thị Kim T2.

16. Bà Đặng Thị Bé L.

17. Bà Đặng Thị H1.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

18. Ông Đặng Văn T7; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

19. Bà Đặng Thị L1; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

20. Bà Phan Thị B1; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

21. Ông Bạch Văn Q; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đinh Công B; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là chị Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 03/3/2021, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đinh Công B có người đại diện theo uỷ quyền là ông Đinh Công T trình bày:

Bà Nguyễn Thị B2 (chết năm 2020), cụ Ba không chồng, không con. Cụ B2 có các anh em gồm: Ông Đinh Văn T8 (đã chết) có các con Đinh Công B, Đinh Công T4, Đinh Thị M, Đinh Thị H3, Định Thị Tuyết H5, Đinh Thị Tuyết M1, Đinh Công T5; Ông Đinh Văn S1 (đã chết) có các con Đặng Hồng T3, Đặng Văn T7, Đặng Thị L1; Bà Đinh Thị T9 (đã chết) có các con Trần Văn H2, Trần Thị O, Trần Văn T6, Trần Thị V, Trần Văn S; Bà Nguyễn Thị T1 (chết năm 2022) có con Đặng Văn D1 (chết năm 2019, ông D1 có vợ là Đoàn Đào V1 và các con Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1).

Lúc sinh thời bà Nguyễn Thị B2 có đứng tên quyền sử dụng đất các thửa đất gồm:

- Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.600m^2, đất thổ quả. Được tách thành 02 thửa 168, 398: Thửa 398, tờ bản đồ số 17, diện tích 253,6m^2 bà B2 đã tặng cho ông Bạch Văn Q, ông Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DA 074165, số vào sổ CS11643, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ký cấp ngày 08/3/2021. Hiện trạng hiện nay của thửa 52 là thửa 168, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 632,6m^2, đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn), trên đất có căn nhà cấp 4 do bà B2 xây dựng diện tích 150m^2.

- Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 6, diện tích 890m^2, đất cây ăn quả. Được tách thành 02 thửa 399, 400: Thửa 400, tờ bản đồ số 17, diện tích 190,6m^2, hiện do ông Bạch Văn Q quản lý sử dụng; Thửa 399, tờ bản đồ số 17, diện tích 504,3m^2, đất trồng cây lâu năm.

- Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 6, diện tích 660m^2, đất cây ăn quả. Hiện trạng hiện nay là thửa 162, diện tích 660m^2, bà B2 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Bạch Văn M2.

- Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.050m^2, đất trồng cây hằng năm. Hiện trạng hiện nay thửa 68 là tách thửa 185-1 (68-1), diện tích 593,0m^2 và tách thửa 185-3 (68-2), diện tích 593,2m^2, tờ bản đồ số 17, đất trồng cây hằng năm.

- Thửa đất số 167, tờ bản đồ số 17, diện tích 316,4m^2, đất trồng cây lâu năm. Ngày 13/01/2021, Ủy ban nhân dân huyện T ra Quyết định thu hồi số 66/QĐ.UB thu hồi toàn bộ thửa đất 167, diện tích 316,4m^2, đất trồng cây lâu năm của bà B2 để xây dựng Trường Tiểu học P1. Ngoài ra Quyết định thu hồi trên còn thu hồi các thửa đất khác của bà B2, cụ thể: một phần thửa 168, diện tích 153,4m^2; thửa 399, diện tích 103m^2; thửa 185, diện tích 27m^2.

- Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 6, diện tích 5.470m^2, đất lúa. Hiện trạng hiện nay là tách thửa 165-1 (23-1), diện tích 1.747,2m^2; tách thửa 154-1 (23-2), diện tích 5.152,0m^2, tờ bản đồ số 16 (6).

Ngoài ra bà Nguyễn Thị B2 còn có các tài sản là quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận gồm: Thửa 141 (tách thửa 31), tờ bản đồ số 16 (6), diện tích 1.552,4m^2; Tách thửa 165-1 (24-1), tờ bản đồ số 16 (6), diện tích 1.637,0m^2; Tách thửa 154-2 (24-2), tờ bản đồ số 16 (6), diện tích 1.173,1m^2.

Các thửa đất cùng toạ lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

Khi còn minh mẫn, bà Nguyễn Thị B2 đã lập Tờ di chúc ngày 10/9/2000, di chúc có người làm chứng, được Ủy ban nhân dân xã xác nhận ngày 19/9/2000 và Tờ di chúc ngày 15/8/2008 được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận vào ngày 23/8/2008, nội dung để lại cho cháu là ông Đinh Công B các thửa đất số 52, 59, 60, 68, 23 với hiện trạng hiện nay là các thửa 168, 399, 400, 162, 185-1, 185-3, 165-1, 154-1 và tài sản gồm căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 168 nêu trên. Tuy nhiên, khi bà B2 mất ông B đến Ủy ban nhân dân xã P làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế thì phát sinh tranh chấp với bà Nguyễn Thị T1 do bà T1 nạy ra ngày 12/8/2020, bà B2 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T1 các thửa đất số 400, 167 và 168. Ông B không đồng ý với Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/8/2020 trên vì lúc lập Hợp đồng này thì bà B2 đã tuổi cao sức yếu, không còn minh mẫn.

Nay ông Đinh Công B khởi kiện tại Toà án yêu cầu giải quyết:

Công nhận 02 Tờ di chúc ngày 10/9/2000 được Ủy ban nhân dân xã xác nhận ngày 19/9/2000 và Tờ di chúc ngày 15/8/2008 được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận vào ngày 23/8/2008 là hợp pháp.

Công nhận cho ông Đinh Công B được quyền quản lý sử dụng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị B2 gồm: Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 17, diện tích 632,6m^2, đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn) và căn nhà cấp 4 trên đất; Thửa đất số 399, tờ bản đồ số 17, diện tích 504,3m^2, đất trồng cây lâu năm và toàn bộ cây trồng trên đất; Tách thửa số 185-1 (68-1), đất trồng cây hằng năm, diện tích 593m^2; Tách thửa 185-3 (68-2), đất trồng cây hằng năm, diện tích 593,2m^2, cùng tờ bản đồ số 17; Tách thửa 154-1 (23-2), đất lúa, diện tích 5.152,0m^2; Tách thửa 154-2 (24-2), đất lúa, diện tích 1.153.1m^2, cùng tờ bản đồ số 16 (6).

Yêu cầu vô hiệu Tờ chia đất lại cho cháu ngày 12/3/2010 giữa bà Nguyễn Thị B2 và ông Trần Văn H2, yêu cầu được hưởng phần đất có diện tích 338,42m^2 tại 02 tách thửa 165-1 (23-1), đất lúa, diện tích 1.747,2m^2 và tách thửa 165-2 (24-1), đất lúa, diện tích 1.637m^2, diện tích thực tế là 3.384,2m^2. Ông B yêu cầu được nhận đất và đồng ý hoàn giá trị lại cho các đồng thừa kế khác.

Ông B rút lại yêu cầu khởi kiện đối với các thửa 60, 141, 400, 398, tách thửa 185-2 (66). Đồng ý giao phần đất tách thửa 185-2 (66), tờ bản đồ số 16 (6), diện tích 686,4m^2, đất trồng cây hằng năm cho bà Đoàn Đào V1.

Theo Đơn phản tố ngày 30/5/2021, Đơn phản tố sửa đổi bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 (chết năm 2022) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị T1 thống nhất với lời trình bày của ông Đinh Công B về hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị B2 và phần di sản bà B2 để lại, hiện trạng hiện nay của các thửa đất này và tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 168.

Lúc sinh thời, bà Nguyễn Thị B2 là chị ruột của bà T1, không có chồng con nên bà T1 và bà B2 sống chung với nhau tại căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 168. Nguồn gốc các thửa đất mà bà B2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do cha mẹ cho. Đến năm 2020, bà B2 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/8/2020 được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực, tặng cho bà T1 các thửa đất như sau: Thửa đất số 400, diện tích 190,6m^2, đất trồng cây lâu năm; Thửa đất số 167, diện tích 316,4m^2, đất trồng cây lâu năm; Thửa đất số 168, diện tích 942,5m^2, đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn). Cùng tờ bản đồ số 17 toạ lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

Đối với 02 Tờ di chúc ngày 10/9/2000 được Ủy ban nhân dân xã xác nhận ngày 19/9/2000 và Tờ di chúc ngày 15/8/2008 được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận vào ngày 23/8/2008 do ông Đinh Công B đưa ra thì bà T1 không đồng ý.

Bà Nguyễn Thị T1 chết tháng 6/2022, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu phản tố ban đầu của bị đơn.

Nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 có yêu cầu như sau:

Yêu cầu vô hiệu 02 Tờ di chúc ngày 10/9/2000 được Ủy ban nhân dân xã xác nhận ngày 19/9/2000 và Tờ di chúc ngày 15/8/2008 được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận vào ngày 23/8/2008.

Công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/8/2020 giữa bà Nguyễn Thị B2 và bà Nguyễn Thị T1 được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị T1 được quyền quản lý sử dụng đối với: Thửa đất số 168, diện tích 632,6m^2, đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn) theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Yêu cầu được nhận thửa đất số 399, tờ bản đồ số 17, diện tích 504,3m^2;

một phần diện tích 593,1m^2 thuộc thửa 185 (68), tờ bản đồ số 16 (6), đất trồng cây hằng năm.

Các phần đất trên cùng toạ lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

Bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 rút lại yêu cầu khởi kiện đối với các thửa 141, 400, 398, tách thửa 185-2 (66). Đồng ý giao phần đất tách thửa 185-2 (66), tờ bản đồ số 16 (6), diện tích 686,4m^2, đất trồng cây hằng năm cho bà Đoàn Đào V1.

Ngoài ra, đối với thửa đất số 60 (162), tờ bản đồ số 6, diện tích 660m^2, đất cây ăn quả. Phần đất này bà B2 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Bạch Văn M2 thì bà Kim C, bà T2, bà L, bà H1 thống nhất thửa này không còn là di sản của bà B2, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hồng T3 có yêu cầu độc lập và trình bày:

Hiện nay, ông T3 đang quản lý canh tác phần đất tại tách thửa 165-1 (23-1), đất lúa, diện tích 1.747,2m^2 và tách thửa 165-2 (24-1), đất lúa, diện tích 1.637m^2, diện tích thực tế là 3.384,2m^2, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Ông Đặng Hồng T3 yêu cầu được nhận thừa kế phần đất diện tích 395,4m^2 thuộc một phần thửa 68 gồm tách thửa 185-1 (68-1), diện tích 593,0m^2 và tách thửa 185-3 (68-2), diện tích 593,2m^2, tờ bản đồ số 17, đất trồng cây hằng năm, tương đương giá trị đất bằng số tiền diện tích 395,4m^2 x 200.000 đồng = 79.080.000 đồng.

Ông T3 rút lại yêu cầu độc lập đối với phần đất thuộc tách thửa 165-1 (23-1), diện tích 1.747,2m^2; tách thửa 165-2 (24-1), diện tích 1.637,0m^2, cùng tờ bản đồ số 16. Nếu có cơ sở công nhận Tờ chia đất cho cháu ngày 12/3/2010 giữa bà Nguyễn Thị B2 với ông Trần Văn H2 thì ông T3 tự nguyện giao phần đất trên cho ông H2.

Ông T3 rút lại yêu cầu độc lập đối với phần đất thuộc tách thửa 185-2 (66). Ông T3 đồng ý giao phần đất tách thửa 185-2 (66), tờ bản đồ số 16 (6), diện tích 686,4m^2, đất trồng cây hằng năm cho bà Đoàn Đào V1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H2 có yêu cầu độc lập và trình bày:

Bà Nguyễn Thị B2 khi còn sống có lập Tờ chia đất cho cháu ngày 12/3/2010 cho ông H2 phần đất diện tích 3.391m^2 thuộc thửa 23, thửa 24. Sự việc này anh em trong gia đình có biết, ông H2 không canh tác và giao lại cho

ông B canh tác để nuôi bà B2. Khi nào bà B2 chết thì ông H2 nhận đất. Lý do cho ông H2 được bà B2 cho đất là do trước đây vào năm 2010 ông H2 có đại diện bà B2 khởi kiện ông Đặng Hồng T3 lấy lại phần đất trên được Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết buộc ông T3 giao trả đất trên cho bà B2. Sau đó, ông T3 tự nguyện giao đất cho bà B2, bà B2 giao cho ông B canh tác rồi ông B giao cho ông D1 canh tác, ông D1 cho ông T7 thuê. Ông T7 đông lúa cho bà B2, ông D1, bà T1 mỗi năm 20 giạ lúa. Hiện ông T7 giao đất cho ông T3 canh tác nên ông H2 yêu cầu ông T3 giao trả đất cho ông H2.

Nay ông Trần Văn H2 có yêu cầu độc lập như sau:

Yêu cầu công nhận Tờ chia đất lại cho cháu lập ngày 12/3/2010 giữa bà Nguyễn Thị B2 và ông Trần Văn H2.

Công nhận phần đất tại tách thửa 165-1 (23-1), đất lúa, diện tích 1.747,2m^2 và tách thửa 165-2 (24-1), đất lúa, diện tích 1.637,0m^2, diện tích thực tế là 3.384,2m^2 đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long cho ông H2. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị M, ông Đinh Công T4, bà Đinh Thị H3, bà Đinh Thị Tuyết H4, bà Đinh Thị M1 có yêu cầu độc lập và trình bày:

Các ông bà là cháu ruột của bà Nguyễn Thị B2. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Công B thì các ông bà đồng ý. Đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Văn H2 yêu cầu công nhận Tờ chia đất lại cho cháu lập ngày 12/3/2010 thì ông bà không đồng ý, xác định quyền sử dụng đất tại tách thửa 165-1 (23-1), đất lúa, diện tích 1.747,2m^2 và tách thửa 165-2 (24-1), đất lúa, diện tích 1.637m^2, diện tích thực tế là 3.384,2m^2 đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long là di sản của bà Nguyễn Thị B2. Nay ông bà có yêu cầu: Mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với phần đất trên với diện tích 338,42m^2, thống nhất giao đất cho ông B và nhận giá trị tương ứng là 20.305.200 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị L1, ông Đặng Văn T7 có yêu cầu độc lập và trình bày:

Ông bà là cháu ruột của bà Nguyễn Thị B2. Đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Văn H2 yêu cầu công nhận Tờ chia đất lại cho cháu lập ngày 12/3/2010 thì ông bà không đồng ý, xác định quyền sử dụng đất tại tách thửa 165-1 (23-1), đất lúa, diện tích 1.747,2m^2 và tách thửa 165-2 (24-1), đất lúa, diện tích 1.637m^2, diện tích thực tế là 3.384,2m^2 đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T

(nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long là di sản của bà Nguyễn Thị B2. Nay ông bà có yêu cầu: Mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với phần đất trên với diện tích 338,42m^2, thống nhất giao đất cho ông B và nhận giá trị tương ứng là 20.305.200 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Đào V1 có yêu cầu độc lập và trình bày:

Bà V1 là vợ ông Đặng Văn D1 (chết năm 2019). Trước khi chết, ông D1 có kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 6, theo Chương trình Bản đồ ĐCCQ (Vlap) hiện là tách thửa 185-2, tờ bản đồ số 17, diện tích 686,4m^2, đất trồng cây hằng năm, thửa đất này là tài sản riêng của ông D1, không thuộc trong khối di sản của bà Nguyễn Thị B2.

Nay bà Đoàn Đào V1 cho yêu cầu độc lập như sau: Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất tách 185-2 (66), tờ bản đồ số 17 (6), diện tích 686,4m^2 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long cho bà V1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị B1 trình bày:

Bà Phan Thị B1 và bà Nguyễn Thị B2 là xóm giềng ở ấp P, xã P và canh tác ruộng giáp ranh với nhau. Bà B2 canh tác thửa 23 và bà B1 canh tác thửa 24, do có nhu cầu sử dụng đất liền canh liền cư nên hai bên đã đổi đất với nhau, cụ thể bà B1 đổi một phần diện tích thửa 24 khoảng 1.600 - 1.700m^2 với một phần diện tích thửa 23 của bà B2. Việc đổi đất không có lập thành văn bản. Phần đất bà B2 đổi cho bà B1 thì bà B1 đã kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất bà B1 đổi cho bà B2 thì bà B1 vẫn còn đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Ba K liên hệ với bà B1 để làm thủ tục kê khai đăng ký. Việc đổi đất đã xong và hai bên canh tác đến nay đã hơn 20 năm.

Đối với tranh chấp thừa kế di sản của bà B2 giữa các đồng thừa kế thì bà B1 không có ý kiến và yêu cầu gì. Bà Phan Thị B1 thống nhất sau khi Toà án giải quyết vụ án trên và giao phần đất đã đổi cho ai thì bà B1 sẽ cùng người đó làm thủ tục kê khai đăng ký sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà B1 đề nghị được xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị O, ông Trần Văn T6, ông Trần Văn S, bà Trần Thị V trình bày: Các

ông bà thống nhất với yêu cầu độc lập của ông Trần Văn H2. Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bạch Văn Q trình bày: Ông Q không có ý kiến và yêu cầu độc lập trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Công T5 trình bày: Ông T5 không có ý kiến và yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2024/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 45/2024/QĐ-SCBSBA ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long) đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 184, Điều 185, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 259, 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Điều 655, Điều 659, Điều 660, khoản 2 Điều 661, Điều 670 của Bộ luật Dân sự 1995; Điều 652, Điều 653, Điều 656, Điều 658, Điều 659 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 459, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 631, Điều 633, Điều 634, Điều 643, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; Điều 2 Luật Người cao tuổi. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Công B.

Tuyên bố vô hiệu Tờ di chúc của bà Nguyễn Thị B2 lập ngày 10/9/2000 được Ủy ban nhân dân xã xác nhận ngày 19/9/2000.

Tuyên bố vô hiệu Tờ di chúc của bà Nguyễn Thị B2 lập ngày 15/8/2008 được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận vào ngày 23/8/2008.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Công B.

Giao cho ông Đinh Công B được hưởng và tiếp tục quản lý sử dụng quyền sử dụng đất tại phần đất thửa 23-2, diện tích 5.152,9m^2, gồm các mốc số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 12, 2 và thửa 24-2, diện tích 1.173,1m^2, gồm các mốc số 7, 8, 9, 12, 7 cùng tờ bản đồ số 16, cùng loại đất lúa, cùng tọa lạc ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

Giao cho ông Đinh Công B được hưởng quyền sử dụng đất tại phần đất thuộc chiết thửa 185-3 (68-2), diện tích 593,2m^2, tờ bản đồ số 17, loại đất cây lâu năm, gồm các mốc số 6, 7, c, b, 6 cùng toàn bộ cây trồng gắn liền trên đất, phần đất tọa lạc ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 và bà Đoàn Đào V1, ông Đặng Hồng T3 có nghĩa vụ giao cho ông Đinh Công B phần đất nêu trên. (Có sơ đồ bản vẽ khu đất kèm theo)

Buộc ông Đinh Công B có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Đặng Hồng T3 một phần giá trị tương ứng với phần đất ông Đặng Hồng T3 được hưởng là 197,7m^2 thuộc một phần chiết thửa 185-3 (68-2), tờ bản đồ số 17, diện tích 593,2m^2, bằng 39.540.000 đồng.

Giao cho ông Đinh Công B được hưởng phần đất có diện tích 170m^2 thuộc thửa 399 được quy ra giá trị tương ứng bằng 34.000.000 đồng. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 có nghĩa vụ liên đới giao trả số tiền 34.000.000 đồng cho ông Đinh Công B.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 (đã chết), có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1.

Công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/8/2020 giữa bà Nguyễn Thị B2 với bà Nguyễn Thị T1 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P là hợp pháp.

Giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 được hưởng và tiếp tục quản lý sử dụng phần đất thuộc thửa 399, tờ bản đồ số 17, diện tích 504,3 m^2, loại đất cây lâu năm, gồm các mốc số 1, 2, 3, 9, 10, 11, 1 cùng toàn bộ cây trồng gắn liền trên đất, phần đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 có nghĩa vụ liên đới giao trả số tiền 34.000.000 đồng cho ông Đinh Công B tương ứng với phần đất có diện tích 170m^2 thuộc thửa 399 mà ông Đinh Công B được hưởng.

Giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn

Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 được hưởng và tiếp tục quản lý sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại phần đất thửa 168, tờ bản đồ số 17, diện tích 632,6m^2, trong đó có 332,6m^2 loại đất cây lâu năm, 300m^2 đất ở nông thôn, gồm các mốc số 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 3 trên đất có gắn căn nhà tường cấp 4, căn nhà tiền chế cùng toàn bộ tài sản và cây trồng, phần đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 được hưởng và tiếp tục quản lý sử dụng quyền sử dụng đất tại chiết thửa 185-1 (68-1), tờ bản đồ số 17, diện tích 593,0m^2, loại đất cây lâu năm, gồm các mốc số 1, a, 5, b, c, 8, 1 cùng toàn bộ cây trồng gắn liền trên đất, phần đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long. Buộc bà Đoàn Đào V1, ông Đặng Hồng T3, ông Đinh Công B có nghĩa vụ giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 phần đất nêu trên.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 có nghĩa vụ liên đới giao trả lại cho ông Đặng Hồng T3 một phần giá trị tương ứng với phần đất ông Đặng Hồng T3 được hưởng là 197,7m^2 thuộc một phần chiết thửa 185-1 (68-1), diện tích 593m^2, tờ bản đồ số 17, bằng 39.540.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H2.

Công nhận Tờ chia đất cho cháu lập ngày 12/3/2010 là hợp pháp. Giao cho ông Trần Văn H2 được hưởng phần đất có diện tích 3.384,2m^2 tương ứng với phần đất thuộc chiết thửa 165-1 (23-1), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.747,2m^2, gồm các mốc số 1, 2, 12, 11, 1 và phần đất thuộc chiết thửa 165-2 (24-1), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.637,0m^2, gồm các mốc số 9, 10, 11, 12, 9 loại đất lúa, cùng tọa lạc ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long. (Có sơ đồ bản vẽ khu đất kèm theo)

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Hồng T3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1. Ông T3 đang quản lý canh tác nên có nghĩa vụ giao trả lại cho ông H2 phần đất thuộc chiết thửa 165-1 (23-1), diện tích 1.747,2m^2, gồm các mốc số 1, 2, 12, 11, 1 và phần đất thuộc

chiết thửa 165-2 (24-1), diện tích 1.637,0m^2, gồm các mốc số 9, 10, 11, 12, 9 loại đất lúa, cùng tọa lạc ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hồng T3.

Giao cho ông Đặng Hồng T3 được hưởng giá trị của phần đất có diện tích 197,7m^2 thuộc một phần chiết thửa 185-1 (68-1), diện tích 593m^2 tờ bản đồ số 17. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 có nghĩa vụ liên đới giao trả lại cho ông Đặng Hồng T3 giá trị tương ứng với phần đất ông Đặng Hồng T3 được hưởng là 197,7m^2 thuộc một phần chiết thửa 185-1 (68-1), tờ bản đồ số 17, diện tích 593m^2, bằng 39.540.000 đồng.

Giao cho ông Đặng Hồng T3 được hưởng giá trị của phần đất diện tích 197,7m^2 thuộc một phần chiết thửa 185-3 (68-2), tờ bản đồ số 17, diện tích 593,2m^2 được tính ra giá trị tương ứng bằng 39.540.000 đồng. Buộc ông Đinh Công B có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Đặng Hồng T3 giá trị tương ứng với phần đất ông Đặng Hồng T3 được hưởng là 197,7m^2 thuộc một phần chiết thửa 185-3 (68-2), diện tích 593,2m^2, bằng 39.540.000 đồng.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Đào V1.

Công nhận quyền sử dụng đất phần đất thửa 185-2 (66), tờ bản đồ số 17, diện tích 686,4m^2, gồm các mốc 3, 4, 5, a, 2, 3 loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long cùng toàn bộ cây trồng gắn liền trên đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà Đoàn Đào V1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đinh Công T5, Đinh Thị M, bà Đinh Thị H3, bà Đinh Thị Tuyết H4, bà Đinh Thị M1, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Văn T7 đối với yêu cầu được nhận một phần đất tại chiết thửa 23-1 và chiếc thửa 24-1, yêu cầu nhận lại giá trị tương ứng là 20.305.200 đồng; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Công B đối với thửa 141, diện tích 1.552,4m^2, loại đất lúa; thửa 60, diện tích 660m^2, loại đất cây lâu năm; thửa 398, thửa 400, diện tích 190,6m^2, loại đất cây lâu năm; thửa 66 (185-2), diện tích 686,4m^2, loại đất cây lâu năm; Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 đối với các thửa đất thửa 141, diện tích 1.552,4m^2, loại đất lúa;

thửa 398; thửa 400, diện tích 190,6m^2, loại đất cây lâu năm; thửa 66 (185-2), diện tích 686,4m^2, loại đất cây lâu năm; Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Đặng Hồng T3 đối với phần đất thuộc chiết thửa 165-1 (23-1), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.747,2m^2 và phần đất thuộc chiết thửa 165-2 (24-1), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.637,0m^2, loại đất lúa; phần đất thuộc thửa 66 (185-2), diện tích 686,4m^2, loại đất cây lâu năm; Chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tại cấp sơ thẩm; phần án phí dân sự sơ thẩm và xử lý hoàn tiền tạm ứng án phí cho các đương sự, quyền kháng cáo các đương sự theo luật định.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn ông Đinh Công B có đơn kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B.

- Công nhận Tờ di chúc của cụ Nguyễn Thị B2 lập ngày 10/9/2000 và ngày 15/8/2008 là hợp pháp.

Công nhận cho ông Đinh Công B được quyền quản lý sử dụng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị B2 gồm: Thửa đất số 168 (52), diện tích 632,6m^2, đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn) và căn nhà cấp 4 trên đất; Thửa đất số 399 (59), diện tích 504,3m^2, đất trồng cây lâu năm; Thửa đất số 185 (68), diện tích 1.186,2m^2; Thửa 154-1 (thửa 23-2), diện tích 5.152,9m^2; Thửa 154-2 (24-2) diện tích 1.173,1m^2. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 giao cho ông Đinh Công B ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 168 và các thửa đất trên và toàn bộ cây trồng trên đất cho ông Đinh Công B.

- Vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị B2 lập và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long chứng thực ngày 12/8/2020.

- Vô hiệu Tờ chia đất lại cho cháu cụ B2 đề ngày 12/3/2010. Buộc ông Đặng Hồng T3 giao thửa đất 165-1 (23-1), diện tích 1.747,2m^2 và thửa 165-2 (24-1) diện tích 1.637m^2 cho ông B và ông B hoàn trả giá trị cho người hưởng thừa kế theo giá 50.000 đồng/m^2.

Đến ngày 09 tháng 5 năm 2025 và ngày 24 tháng 6 năm 2025, ông Đinh Công B có đơn sửa đổi, rút một phần đơn kháng cáo với nội dung án sơ thẩm về việc: Giao cho ông Đinh Công B được hưởng và tiếp tục quản lý sử dụng quyền sử dụng đất tại phần đất thửa 23-2, diện tích 5.152,9m^2; thửa 24-2, diện tích 1.173,1m^2; Vô hiệu Tờ chia đất lại cho cháu cụ B2 đề ngày 12/3/2010. Buộc ông Đặng Hồng T3 giao thửa đất 165-1 (23-1), diện tích 1.747,2m^2 và thửa 165-2

(24-1) diện tích 1.637m^2 cho ông B và ông B hoàn trả giá trị cho người hưởng thừa kế theo giá 50.000 đồng/m^2.

Ngày 01 tháng 11 năm 2025, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số: 122/2024/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long) theo hướng giao cho những những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 được hưởng toàn bộ thửa đất số 399 (59), tờ bản đồ số 17, diện tích diện tích 504,3m^2, đất trồng cây lâu năm toạ lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông B có anh T trình bày:

Nguyên đơn đồng ý rút một phần kháng cáo về việc: Yêu cầu công nhận cho ông Đinh Công B được hưởng và tiếp tục quản lý sử dụng quyền sử dụng đất tại phần đất thửa 23-2, diện tích 5.152,9m^2; thửa 24-2, diện tích 1.173,1m^2; Vô hiệu Tờ chia đất lại cho cháu cụ B2 đề ngày 12/3/2010. Buộc ông Đặng Hồng T3 giao thửa đất 165-1 (23-1), diện tích 1.747,2m^2 và thửa 165-2 (24-1) diện tích 1.637m^2 cho ông B và ông B hoàn trả giá trị cho người hưởng thừa kế theo giá 50.000 đồng/m^2.

Nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo về việc: Công nhận Tờ di chúc của cụ Nguyễn Thị B2 lập ngày 10/9/2000 và ngày 15/8/2008 là hợp pháp; Vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị B2 lập và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long chứng thực ngày 12/8/2020; Công nhận cho ông Đinh Công B được quyền quản lý sử dụng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị B2 gồm: Thửa đất số 168 (52), diện tích 632,6m^2, đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn) và căn nhà cấp 4 trên đất; Thửa đất số 399 (59), diện tích 504,3m^2, đất trồng cây lâu năm; Cùng tờ bản đồ số 17, toạ lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long; Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 giao cho ông Đinh Công B ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 168 và các thửa đất trên và toàn bộ cây trồng trên đất cho ông Đinh Công B.

Còn lại thửa đất số 185 (68), diện tích 1.186,2m^2 nếu không có căn cứ

công nhận di chúc năm 2008 là hợp pháp thì nguyên đơn thống nhất theo bản án sơ thẩm và đồng ý trả giá trị đất cho ông T3 diện tích đất 197,7m^2 theo Biên bản định giá ngày 16/6/2025.

Về giá đất, cây trồng nguyên đơn đồng ý xác định giá theo giá hội đồng định giá cấp phúc thẩm đã định để làm căn cứ giải quyết vụ án. Nguyên đơn đồng ý trả giá trị cây trồng trên thửa 399 theo giá hội đồng định giá cấp phúc thẩm cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đinh Công B trình bày: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Công nhận Di chúc của cụ Nguyễn Thị B2 lập ngày 10/9/2000 và ngày 15/8/2008 là hợp pháp, lý do các di chúc trên cụ B2 lập trong trạng thái tinh thần minh mẫn, có người làm chứng là tất cả con cháu biết, có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Đề nghị vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị B2 lập và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long chứng thực ngày 12/8/2020, lý do thời điểm trên bà B2 đang do ông B nuôi dưỡng, tinh thần bà Ba K còn minh mẫn, sức khỏe kém, phải có người khác chăm sóc đặc biệt và hợp đồng tặng cho cũng không có người làm chứng, sau khi lập hợp đồng tặng cho bên bà T1 cũng không đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Đề nghị công nhận cho ông Đinh Công B được quyền quản lý sử dụng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị B2 gồm: Thửa đất số 168 (52), diện tích 632,6m^2, đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn) và căn nhà cấp 4 trên đất; Thửa đất số 399 (59), diện tích 504,3m^2, đất trồng cây lâu năm; Thửa đất số 185 (68), diện tích 1.186,2m^2; Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 giao cho ông Đinh Công B ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 168 và các thửa đất trên và toàn bộ cây trồng trên đất cho ông Đinh Công B. Nguyên đơn thống nhất giá đất, cây trồng theo Biên bản định giá ngày 16/6/2025 tại cấp phúc thẩm.

Người đại diện theo uỷ quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bị đơn trình bày:

Không đồng ý các yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Yêu cầu vô hiệu 02 Tờ di chúc ngày 10/9/2000 được Ủy ban nhân dân xã xác nhận ngày 19/9/2000 và Tờ di chúc ngày 15/8/2008 được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận vào ngày

23/8/2008. Bởi lẽ, bà B2 lập 02 di chúc, di chúc ngày 10/9/2000, người làm chứng là những người trong họ hàng gia đình bà B2, di chúc ngày 15/8/2008 được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực nhưng bà B2 là người không biết chữ nhưng không có người làm chứng. Theo quy định khi một người để lại nhiều bản di chúc đối với một tài sản thì chỉ bản di chúc sau cùng có hiệu lực, do đó án sơ thẩm vô hiệu Tờ di chúc ngày 10/9/2000 và Tờ di chúc ngày 15/8/2008 của cụ Nguyễn Thị B2 là có căn cứ.

Đề nghị công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/8/2020 giữa bà Nguyễn Thị B2 và bà Nguyễn Thị T1 được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực. Lý do, tại thời điểm lập di chúc theo xác nhận của chính quyền địa phương thì bà B2 hoàn toàn minh mẫn, đủ điều kiện định đoạt. Lý do bà T1 không đăng ký đất đai sau khi lập hợp đồng tặng cho là do hồ sơ địa chính thửa đất có sai sót, có xác nhận của Văn P đăng ký đất đai nên việc không đăng ký đất đai là khách quan. Do di chúc vô hiệu nên bà Ba K chồng con, bà T1 là người thuộc hàng thừa kế thứ hai duy nhất được hưởng thừa kế tại thời điểm mở thừa kế nên yêu cầu chia thửa đất 399, tờ bản đồ số 17, diện tích 504,3m^2 cho bà T1 có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bà T1 theo quy định, họ không phải trả giá trị cho ông B. Về giá đất, cây trồng phía người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bị đơn đề nghị áp giá theo quy định pháp luật, không có ý kiến Biên bản định giá ngày 16/6/2025 tại cấp phúc thẩm. Thửa đất 185 do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bà T1 không kháng cáo nên thống nhất theo án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hồng T3 trình bày: Thống nhất án sơ thẩm không kháng cáo. Tuy nhiên, đối với phần đất thửa 185 ông được chia diện tích đất 197,7m^2 phía nguyên đơn yêu cầu áp giá theo Biên bản định giá ngày 16/6/2025, còn người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bà T1 yêu cầu áp giá theo giá cấp sơ thẩm ông thống nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H2 trình bày: Thống nhất án sơ thẩm không kháng cáo, ngoài ra không có ý kiến khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 289; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút các yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Công B.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Công B; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1; Sửa Bản án sơ thẩm.

Vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị B2 với cụ Nguyễn Thị T1 được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực ngày 12/8/2020.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa: thửa 168 (chiết thửa 52 cũ), diện tích 632,6m^2 loại đất thổ vườn, (có 300m^2 đất thổ) gắn nhà cấp 4; thửa 339 (chiết thửa 59 cũ), diện tích 504,3m^2 và tách thửa 185 (thửa 68 cũ) diện tích 1.872,6m2, gồm 185-1 (68-1), diện tích 593m^2 và tách 185-2 (68-2), diện tích 593m^2, loại đất trồng cây hằng năm.

Không buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 có nghĩa vụ liên đới giao số tiền 34.000.000 đồng cho ông Đinh Công B tương ứng với phần đất có diện tích 170m^2 thuộc thửa 399.

Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được hưởng và 300.000 đồng án phí vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí đo đạc tại cấp phúc thẩm, chi phí giám định: các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Thị M, Đinh Thị H3, Đinh Thị Tuyết H4, Đinh Thị M1, Đinh Công T5, Đinh Công T4 có đơn xin xét xử vắng mặt; Bà Trần Thị O, Trần Văn T6, Trần Thị V, Trần Văn S, Đặng Văn T7, Đặng Thị L1, Phan Thị B1, Bạch Văn Q được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp nguyên đơn ông B rút một phần yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm gồm: Giao cho ông Đinh Công B được hưởng

và tiếp tục quản lý sử dụng quyền sử dụng đất tại phần đất thửa 23-2, diện tích 5.152,9m^2; thửa 24-2, diện tích 1.173,1m^2; Vô hiệu Tờ chia đất lại cho cháu của cụ Ba đề ngày 12/3/2010. Buộc ông Đặng Hồng T3 giao thửa đất 165-1 (23-1), diện tích 1.747,2m^2 và thửa 165-2 (24-1) diện tích 1.637m^2 cho ông B và ông B hoàn trả giá trị cho người hưởng thừa kế theo giá 50.000 đồng/m^2. Căn cứ khoản 3 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các phần rút kháng cáo trên của nguyên đơn.

[2] Tại cấp phúc thẩm, theo yêu cầu định giá tài sản tranh chấp của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đinh Công B, ngày 16/6/2025, Hội đồng định giá được lập theo quy định tại Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành định giá thị trường đối với tài sản tranh chấp như sau: Về giá đất: giá đất ở tại nông thôn là 1.092.000 đồng/m^2, giá đất trồng cây lâu năm là 1.083.000 đồng/m^2, giá đất trồng cây hàng năm là 392.000 đồng/m^2; Về giá trị cây trồng trên đất trên thửa 399, tờ bản đồ số 17 gồm: 01 cây dừa giá 350.000 đồng, 05 cây chuối giá 100.000 đồng, 28 cây tre xiêm giá 840.000 đồng, tổng giá trị cây trồng là 1.290.000 đồng. Các đương sự xác định cây trên thửa 399 đều do bà T1 trồng.

Tại buổi định giá, những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Kim C, Kim T2, Bé L, H1 có người đại diện theo uỷ quyền là bà Huỳnh Thị Kiều D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Đào V1 được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc định giá nhưng vắng mặt không lý do. Tại phiên toà, các đương sự vắng mặt tại buổi định giá không có ý kiến với giá do Hội đồng định giá theo Biên bản ngày 16/6/2025, do đó, cấp phúc thẩm lấy giá thị trường theo Biên bản ngày 16/6/2025 làm cơ sở để giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Theo Công văn số 3308/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 15/12/2021, Công văn số 5279/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 23/9/2024 của Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh V, kết quả đo đạc thực tế theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 11/01/2022 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T liên quan đến các thửa đất tranh chấp thừa kế có kháng cáo của các đương sự thể hiện:

Thửa số 52 (thửa 168) diện tích 1.600m^2 và căn nhà ở. Nay thuộc thửa 168, diện tích đo đạc thực tế là 632,6m^2, đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn).

Thửa đất số 59, diện tích 890m^2, loại đất cây ăn quả. Nay thuộc thửa 399, diện tích đo đạc thực tế là 504,3m^2, loại đất cây lâu năm.

Thửa 68, diện tích 1050m^2, loại đất màu và một phần thửa 66, 67, loại đất màu. Nay thuộc thửa 185, diện tích 1.872,6m^2, loại đất cây lâu năm nhưng chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Xét Tờ di chúc lập ngày 10/9/2000:

Nội dung di chúc bà Nguyễn Thị B2 định đoạt cho ông Đinh Công B các thửa đất và tài sản gắn liền đất gồm: diện tích đất 3.500m^2, thửa 59 (thửa 399), diện tích 890m^2; thửa 60, diện tích 660m^2; thửa 52 (thửa 168), diện tích 1.600m^2 và căn nhà ở.

Đối với phần diện tích đất lúa 3.500m^2 hiện trạng là tách 165-1 (23-1), diện tích 1.747,2m^2 và tách 165-2 (24-2), diện tích 1.637,0m^2, cấp sơ thẩm công nhận cho ông Trần Văn H2 căn cứ theo Tờ chia đất lại cho cháu ngày 12/3/2010 giữa bà Nguyễn Thị B2 và ông H2, các đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét cụ bà Nguyễn Thị B2 là người không biết chữ nên Tờ di chúc ngày 10/9/2000 cụ B2 do người khác viết thay, có điểm chỉ của cụ B2, cụ B2 lập di chúc trong trạng thái tinh thần minh mẫn và có sự chứng kiến, ký xác nhận của ông Đinh Văn T8, Đinh Thị T9, Nguyễn Thị T1, Đinh Công B, Đinh Công T4, Đinh Công T5, Đặng Hồng T3, Đặng Văn T7 và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T chứng thực ngày 19/9/2000 nên hình thức của di chúc đảm bảo đúng quy định và phù hợp với khoản 3 Điều 655, 657, 660 Bộ luật dân sự năm 1995 nên công nhận Tờ di chúc trên là hợp pháp.

[5] Xét Tờ di chúc lập ngày 15/8/2008:

Nội dung di chúc bà Nguyễn Thị B2 định đoạt cho ông Đinh Công B các thửa đất và tài sản gắn liền đất gồm: Căn nhà tường cấp 4 lợp ngói, diện tích 150m^2; thửa đất số 52 (thửa 168), diện tích 1.600m^2, loại đất thổ quả; thửa đất số 59 (thửa 399), diện tích 890m^2, loại đất cây ăn quả; thửa đất số 60 (thửa 162), diện tích 660m^2, loại đất cây ăn quả; thửa đất số 68 (thửa 185), diện tích 1.050m^2, loại đất màu và thửa đất số 23 (thửa 165, thửa 154), diện tích 5.470m^2, loại đất lúa. Di chúc có điểm chỉ của cụ B2 và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T chứng thực ngày 23/8/2008. Các đương sự thừa nhận cụ Ba không biết chữ nhưng di chúc trên không có người làm chứng theo quy định tại Điều 630 nên di chúc không hợp pháp. Vì vậy cấp sơ thẩm vô hiệu di chúc ngày 15/8/2008 của cụ B2 là có căn cứ.

Tuy nhiên, xét cụ Ba sinh T10 lúc còn khỏe mạnh và minh mẫn đã định đoạt tài sản của mình cho ông B bằng hai tờ di chúc. Nội dung hai tờ di chúc trên cụ B2 định đoạt di sản khác nhau. Như nhận định tại đoạn [4] của bản án này thì Tờ di chúc lập ngày 10/9/2000 của cụ B2 là có hiệu lực. Theo đó, cụ B2 đã định đoạt cho ông B các thửa đất 59 (thửa 399), diện tích 890m^2; thửa 60, diện tích 660m^2; thửa 52 (thửa 168), diện tích 1.600m^2 và căn nhà ở. Đến di chúc 15/8/2008 cụ B2 chia cho ông B các thửa đất khác và nhắc lại thửa đất gắn liền căn nhà tường cấp 4 lợp ngói, diện tích 150m^2; thửa đất số 52 (thửa 168), diện tích 1.600m^2, loại đất thổ quả; thửa đất số 59 (thửa 399), diện tích 890m^2 và nội dung di chúc 15/8/2008 cụ B2 không có ý kiến thay thế hoặc hủy bỏ di chúc trước nên không thuộc trường hợp quy định tại Điều 643 của Bộ luật dân sự năm 2015. Theo tờ di chúc thể hiện tại thời điểm lập di chúc cụ B2 thần kinh bình thường, tinh thần minh mẫn, đủ điều kiện lập di chúc có giấy khám sức khỏe của Bệnh viện Đ chứng nhận này 18/8/2008 và theo xác nhận của ông Nguyễn Văn B3 thì tại thời điểm chứng thực nội dung di chúc thể hiện đúng ý chí của cụ B2. Tại Kết luận giám định số 10/KL-KTHS-KV-1 ngày 21/7/2025 và Kết luận giám định số 78/KL-KTHS-KV-1 ngày 20/8/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh V đã kết luận dấu vân tay ngón trỏ phải trên Tờ di chúc đề ngày 15/8/2008 so với dấu vân tay in trên tờ khai chứng minh nhân dân của cụ B2 là dấu vân tay của cùng một người và dấu tròn "UBND X PHÚ THỊNH H.TAM BÌNH T.VĨNH LONG" dưới mục "CHỦ TỊCH''và dấu tròn mẫu tại các văn bản lưu của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T tại thời điểm năm 2008 là do cùng một con dấu đóng ra. Do đó, về mặt ý chí các thửa đất 59 (thửa 399), diện tích 890m^2; thửa 60, diện tích 660m^2; thửa 52 (thửa 168), diện tích 1.600m^2 và căn nhà ở thể hiện cụ B2 tự nguyện và vẫn giữ nguyên ý chí cho ông B theo Tờ di chúc ngày 10/9/2000 và Tờ di chúc ngày 15/8/2008.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông B đối với phần đất thửa 168 (52), diện tích 632,6m^2, đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn) và căn nhà cấp 4 trên đất.

Sau khi lập di chúc định đoạt phần đất trên và căn nhà cấp 4 gắn liền thửa đất cho ông B tại các tờ di chúc ngày 10/9/2000 và di chúc ngày 15/8/2008 thì đến ngày 12/8/2020 cụ B2 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T1, nội dung hợp đồng thể hiện: cụ Nguyễn Thị Ba T11 cho cụ Nguyễn Thị T1 các thửa đất gồm: thửa 400, diện tích 190,6m^2, loại đất trồng cây lâu năm; thửa 167, diện tích 316,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm và thửa 168,

diện tích 942,5m^2 (đất ở 300m^2), cùng tọa lạc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Hợp đồng có dấu lăn tay từng trang, có chữ ký của ông Nguyễn Văn C1 là người nhận hồ sơ và chữ ký chứng thực của ông Trần Văn Ẩ - Chủ tịch UBND xã P. Phía nguyên đơn cho rằng cụ Ba K biết chữ nhưng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không có người làm chứng xác nhận và sau khi lập hợp đồng tặng cho bên bà T1 không đăng ký quyền sử dụng đất là vô hiệu. Căn cứ Điều 401, Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 thì việc bà T1 không đăng ký đất đai sau khi lập hợp đồng tặng cho là do hồ sơ địa chính thửa đất có sai sót, có xác nhận của Văn P đăng ký đất đai nên việc không đăng ký đất đai là khách quan.

Các đương sự xác định thửa 400, diện tích 190,6m^2, loại đất trồng cây lâu năm và thửa 167, diện tích 316,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm hiện nay bị thu hồi và chuyển quyền cho người khác, các đương sự không tranh chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định.

Theo biên bản xác minh ngày 08/10/2024 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T xác định rằng tại thời điểm lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì tinh thần bà B2 hoàn toàn minh mẫn, đủ nhận thức và có thể làm chủ hành vi của mình, việc lập Hợp đồng tặng cho và chứng thực tại Uỷ ban nhân dân được thực hiện đúng quy định pháp luật, thể hiện đúng ý chí, cụ B2 hoàn toàn tự nguyện và việc cụ B2 thay đổi ý chí định đoạt lại đối với phần đất trên là phù hợp pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/8/2020, công nhận thửa đất số 168 (52), diện tích 632,6m^2, đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn) và căn nhà cấp 4 trên đất cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Kim C, Kim T2, Bé L, H1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, ông B kháng cáo yêu cầu vô hiệu Hợp đồng tặng cho và công nhận phần đất trên cho ông là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông B và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Kim C, Kim T2, Bé L, H1 yêu cầu công nhận thửa đất số 399 (59), diện tích 504,3m^2 cho các đương sự.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp ông B cho rằng phần đất trên theo Tờ di chúc ngày 10/9/2000 cụ B2 đã định đoạt phần đất trên cho ông B và di chúc trên hợp pháp. Còn người đại diện của những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Kim C, Kim T2, Bé L, H1 thì cho rằng do các di chúc cụ B2 lập đều vô hiệu, cụ Ba K chồng con, bà T1 là người

thuộc hàng thừa kế thứ hai duy nhất được hưởng thừa kế tại thời điểm mở thừa kế nên yêu cầu chia thửa đất 399, tờ bản đồ số 17, diện tích 504,3m^2 cho bà T1 có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bà T1 theo quy định và không phải trả giá trị cho ông B.

Như nhận định tại đoạn [4.5] của bản án này thì thửa đất số 399 (59), diện tích 504,3m^2 cụ B2 đã định đoạt phân chia cho ông B theo Tờ di chúc ngày 10/9/2000 và Tờ di chúc ngày 15/8/2008. Do có căn cứ xác định di chúc ngày 10/9/2000 của cụ B2 định đoạt phân chia thửa đất số 399 (59), diện tích 504,3m^2 cho ông B là hợp pháp và nội dung di chúc ngày 15/8/2008 không trái ý chí cụ Ba đối với phần đất trên. Tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 12/8/2020 giữa cụ B2 với bà Nguyễn Thị T1 như nhận định tại đoạn [6] của bản án này là hợp pháp và theo nội dung Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thể hiện cụ Ba không tặng cho bà T1 thửa số 399 (59), diện tích 504,3m^2. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Kim C, Kim T2, Bé L, H1. Các đương sự thừa nhận trên đất có các cây trồng do bà T1 trồng gồm: 01 cây dừa giá 350.000 đồng, 05 cây chuối giá 100.000 đồng, 28 cây tre xiêm giá 840.000 đồng, tổng giá trị cây trồng là 1.290.000 đồng. Do đó, công nhận phần đất trên cho ông B, buộc ông B có nghĩa trả giá trị cây trồng cho những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Kim C, Kim T2, Bé L, H1.

[8] Xét kháng cáo của ông B về việc yêu cầu công nhận thửa đất số 185 (68) gồm tách thửa 185-1 (68-1), diện tích 593,0m^2 và tách thửa 185-3 (68-2), diện tích 593,2m^2 được nêu trong Tờ di chúc ngày 15/8/2008.

Như phân tích tại mục [4.5], Tờ di chúc ngày 15/8/2008 vô hiệu do được lập không hợp pháp và nội dung di chúc ngày 10/9/2000 cụ B2 không định đoạt phần đất trên cho ông B, nên phần đất trên chia thừa kế theo pháp luật. Cấp sơ thẩm phân chia phần đất trên cho ông B tách thửa 185-3, diện tích 593,2m^2; buộc ông B trả giá trị đất diện tích 197,7m^2 cho ông T3; chia cho những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Kim C, Kim T2, Bé L, H1 tách thửa 185-1 diện tích 593m^2; buộc những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Kim C, Kim T2, Bé L, H1 trả giá trị đất diện tích 197,7m^2 cho ông T3 là có sai lầm trong áp dụng pháp luật và bất lợi cho những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Kim C, Kim T2, Bé L, H1. Tuy nhiên, sau đó những người kế thừa

quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Kim C, Kim T2, Bé L, H1 và Viện kiểm sát không kháng nghị. Còn phía nguyên đơn tại phiên tòa thay đổi yêu cầu kháng cáo đồng ý theo án sơ thẩm về phân chia diện tích và thống nhất trả giá trị theo Biên bản định giá đất ngày 16/6/2025 tại cấp phúc thẩm cho ông T3 là phù hợp và đảm bảo quyền lợi các đương sự. Vì vậy, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại giá đất cho phù hợp.

Đối chiếu Biên bản định giá ngày 16/6/2025 giá đất trồng cây lâu năm là 1.083.000 đồng/m^2 thì ông B có nghĩa vụ trả cho ông T3 diện tích 197,7m^2 x 1.083.000 đồng/m^2 = 214.019.000 đồng. Còn theo giá đất trồng cây hằng năm là 392.000 đồng/m^2 thì ông B có nghĩa vụ trả cho ông T3 diện tích 197,7m^2 x 392.000 đồng/m^2 = 77.498.400 đồng.

Xét thửa đất 185, diện tích 1.872,6m^2 theo xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V thuộc loại đất cây lâu năm nhưng chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo tư liệu chương trình đất thì phần đất trên do ông D1, cụ B2 đăng ký, loại đất màu. Như vậy, hiện nay các đương sự chưa đăng ký và được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất cây lâu năm. Khi bản án có hiệu lực pháp luật thì người được công nhận phải thực hiện nghĩa vụ thuế và chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định. Vì vậy, buộc ông B có nghĩa vụ trả giá trị diện tích 197,7m^2 cho ông T3 theo giá đất trồng cây hằng năm là 392.000 đồng/m^2 tương đương số tiền 77.498.400 đồng là phù hợp pháp luật.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Công B, chấp nhận một phần kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1, sửa Bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông B phải chịu án phí trên phần tài sản được chia nhưng ông B sinh năm 1953, là người cao tuổi theo quy định Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông B thuộc trường hợp miễn án phí.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1 chịu án

phí dân sự sơ thẩm bằng số tiền: (632,6m^2 + 593m^2) x 200.000 đồng = 245.120.000 đồng x 5% = 12.256.000 đồng.

Ông Đặng Hồng T3 chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng số tiền: 77.498.400 đồng + 39.540.000 đồng = 117.038.400 đồng x 5% = 5.851.900 đồng.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Về chí phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản tại cấp phúc thẩm là 2.520.000 đồng. Buộc ông B, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1 và ông Đặng Hồng T3 mỗi bên chịu 840.000 đồng.

Chi phí giám định là 8.160.000 đồng. Do các yêu cầu giám định của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1 đều không có căn cứ chấp nhận nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1 phải chịu toàn bộ chi phí trên.

[11] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm tuyên về: Giao cho ông Đinh Công B được hưởng và tiếp tục quản lý sử dụng quyền sử dụng đất tại phần đất thửa 23-2, diện tích 5.152,9m^2; Công nhận Tờ chia đất cho cháu lập ngày 12/3/2010 là hợp pháp; Giao cho ông Trần Văn H2 được hưởng phần đất có diện tích 3.384,2m^2 tương ứng với phần đất thuộc chiết thửa 165-1 (23-1), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.747,2m^2 và phần đất thuộc chiết thửa 165-2 (24-1), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.637,0m^2; Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Hồng T3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1. Ông T3 giao trả lại cho ông H2 phần đất thuộc chiết thửa 165-1 (23-1), diện tích 1.747,2m^2 và phần đất thuộc chiết thửa 165-2 (24-1), diện tích 1.637,0m^2; Công nhận quyền sử dụng đất phần đất thửa 185-2 (66), tờ bản đồ số 17, diện tích 686,4m^2, loại đất cây lâu năm cùng toàn bộ cây trồng gắn liền trên cho bà Đoàn Đào V1; Không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Đinh Công T4, Đinh Thị M, bà Đinh Thị H3, bà Đinh Thị Tuyết H4, bà Đinh Thị M1, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Văn T7 đối với yêu cầu được nhận một phần đất tại chiết thửa 23-1 và chiếc thửa 24-1, yêu cầu nhận lại giá trị tương ứng là 20.305.200 đồng; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Công B đối với thửa 141, diện tích 1.552,4m^2, loại đất lúa; thửa 60, diện tích 660m^2, loại đất cây lâu năm; thửa 398, thửa 400, diện tích

190,6m^2, loại đất cây lâu năm; thửa 66 (185-2), diện tích 686,4m^2, loại đất cây lâu năm; Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 đối với các thửa đất thửa 141, diện tích 1.552,4m^2, loại đất lúa; thửa 398; thửa 400, diện tích 190,6m^2, loại đất cây lâu năm; thửa 66 (185-2), diện tích 686,4m^2, loại đất cây lâu năm; Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Đặng Hồng T3 đối với phần đất thuộc chiết thửa 165-1 (23-1), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.747,2m^2 và phần đất thuộc chiết thửa 165-2 (24-1), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.637,0m^2, loại đất lúa; phần đất thuộc thửa 66 (185-2), diện tích 686,4m^2, loại đất cây lâu năm; Chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tại cấp sơ thẩm; phần án phí dân sự sơ thẩm đối với Trần Văn H2, Đinh Thị M, Đinh Công T4, Đinh Thị H3, Đoàn Đào V1 và xử lý hoàn tiền tạm ứng án phí cho các đương sự Đinh Thị Tuyết H4, Đinh Thị M1, Đặng Thị L1, Đặng Văn T7 không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông B thuộc trường hợp miễn án phí.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo của nguyên đơn về: Giao cho ông Đinh Công B được hưởng và tiếp tục quản lý sử dụng quyền sử dụng đất tại phần đất thửa 23-2, diện tích 5.152,9m^2; thửa 24-2, diện tích 1.173,1m^2; Vô hiệu Tờ chia đất lại cho cháu đề ngày 12/3/2010. Buộc ông Đặng Hồng T3 giao thửa đất 165-1 (23-1), diện tích 1.747,2m^2 và thửa 165-2 (24-1), diện tích 1.637m^2 cho ông B và ông B hoàn trả giá trị cho người hưởng thừa kế theo giá 50.000 đồng/m^2.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Công B. Chấp nhận một phần kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2024/DS-ST ngày 24 tháng

10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long).

Áp dụng Điều 655, 659, 660, 661, 670 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 652, 653, 656, 658, 659 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 401, 459, 500, 501, Điều 502, 613, 614, 631, 633, 634, 643, 651, 652, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 95, 166, điểm a khoản 1 Điều 167, Điều 188, Điều 220 Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Công B.

1.1. Công nhận Tờ di chúc của cụ Nguyễn Thị B2 lập ngày 10/9/2000 là hợp pháp.

1.2. Chia cho ông Đinh Công B được hưởng phần đất thuộc thửa 399, tờ bản đồ số 17, diện tích 504,3 m^2, loại đất cây lâu năm, gồm các mốc số 1, 2, 3, 9, 10, 11, 1 cùng toàn bộ cây trồng gắn liền trên đất, phần đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long. Buộc chị Đặng Thị Kim C, chị Đặng Thị Kim T2, chị Đặng Thị Bé L, chị Đặng Thị H1 và bà Đoàn Đào V1 giao thửa đất và cây trồng gắn liền thửa đất trên cho ông Đinh Công B quản lý, sử dụng.

(Kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 11/01/2022 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T).

1.3. Công nhận ông Đinh Công B được sở hữu các cây trông gắn liền thửa đất gồm: 01 cây dừa giá 350.000 đồng, 05 cây chuối giá 100.000 đồng, 28 cây tre xiêm giá 840.000 đồng, tổng giá trị cây trồng là 1.290.000 đồng. Buộc ông Đinh Công B trả giá trị cây trồng cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Thị T1 là Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1 số tiền 1.290.000 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả xong số tiền trên thì hàng tháng phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.4. Chia cho ông Đinh Công B được hưởng phần đất thuộc chiết thửa 185-3 (68-2), diện tích 593,2m^2, tờ bản đồ số 17, loại đất cây lâu năm, gồm các mốc số 6, 7, c, b, 6 cùng toàn bộ cây trồng gắn liền trên đất, phần đất tọa lạc ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà

Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 và bà Đoàn Đào V1, ông Đặng Hồng T3 có nghĩa vụ giao cho ông Đinh Công B phần đất nêu trên.

(Kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 11/10/2022 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T).

1.5. Buộc ông Đinh Công B có nghĩa vụ trả giá trị đất cho ông Đặng Hồng T3 diện tích 197,7m^2 bằng số tiền 77.498.400 đồng (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả xong số tiền trên thì hàng tháng phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1.

2.1. Tuyên bố Tờ di chúc của cụ Nguyễn Thị B2 lập ngày 15/8/2008 là vô hiệu.

2.2. Công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 12/8/2020 giữa bà Nguyễn Thị B2 với bà Nguyễn Thị T1 là hợp pháp.

2.3. Công nhận cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 được quản lý sử dụng thửa 168, tờ bản đồ số 17, diện tích 632,6m^2 (có 332,6m^2, loại đất cây lâu năm và 300m^2 đất ở nông thôn), gồm các mốc số 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 3 và sở hữu căn nhà tường cấp 4, căn nhà tiền chế và cây trồng gắn liền thửa đất trên. Đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 11/10/2022 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T).

2.4. Chia cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 được hưởng phần đất tại chiết thửa 185-1 (68-1), tờ bản đồ số 17, diện tích 593,0m^2, loại đất cây lâu năm, gồm các mốc số 1, a, 5, b, c, 8, 1 cùng toàn bộ cây trồng gắn liền trên đất, phần đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long. Buộc bà Đoàn Đào V1, ông Đặng Hồng T3, ông Đinh Công B có nghĩa vụ giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 phần đất nêu trên.

2.5. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 gồm Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng

Thị H1 có nghĩa vụ liên đới trả giá trị đất cho ông Đặng Hồng T3 diện tích 197,7m^2 bằng số tiền 39.540.000 đồng (Ba mươi chín triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả xong số tiền trên thì hàng tháng phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan quản lý đất đai để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Công B về việc yêu cầu công nhận Tờ di chúc ngày 15/8/2008 là hợp pháp và yêu cầu chia thừa kế phần đất thửa 168, diện tích 632,6m^2, tờ bản đồ số 17, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm (trong đó có 300m^2 đất ở tại nông thôn) toạ lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1 về việc yêu cầu chia thừa kế thửa 399, tờ bản đồ số 17, diện tích 504,3 m^2, loại đất cây lâu năm toạ lạc tại ấp P, xã P, huyện T (nay là xã S), tỉnh Vĩnh Long.

6. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đinh Công B.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng số tiền: 12.256.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 10.047.500 đồng và tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu số 14363, ngày 01/8/2024 và số 14597, ngày 05/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Vĩnh Long) sẽ được khấu trừ. Buộc các đương sự trên phải nộp tiếp số tiền án phí là 1.908.500 đồng (Một triệu chín trăm lẻ tám ngàn năm trăm đồng).

Ông Đặng Hồng T3 chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng số tiền 5.851.900 đồng. Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.977.000 đồng theo Biên lai thu số 14518, ngày 11/10/2024 và 300.000 đồng theo Biên lai thu số 11175, ngày 30/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Vĩnh Long) sẽ được khấu trừ. Buộc ông T3 phải nộp tiếp số tiền án phí là 3.574.000 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

7. Về chí phí tố tụng tại cấp phúc thẩm:

- Chi phí định giá: Buộc ông Đinh Công B, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1 và ông Đặng Hồng T3 mỗi bên chịu 840.000 đồng. Số tiền trên ông B đã nộp tạm ứng. Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1 hoàn trả cho ông B số tiền 840.000 đồng (Tám trăm bốn mươi ngàn đồng) và ông Đặng Hồng T3 hoàn trả cho ông Đinh Công B số tiền 840.000 đồng (T1 trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Chi phí giám định: Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim T2, Đặng Thị Bé L, Đặng Thị H1 chịu số tiền 8.160.000 đồng (Tám triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng). Số tiền trên các đương sự đã nộp tạm ứng xong nên được khấu trừ.

8. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm tuyên về: Giao cho ông Đinh Công B được hưởng và tiếp tục quản lý sử dụng quyền sử dụng đất tại phần đất thửa 23-2, diện tích 5.152,9m^2; Công nhận Tờ chia đất cho cháu lập ngày 12/3/2010 là hợp pháp; Giao cho ông Trần Văn H2 được hưởng phần đất có diện tích 3.384,2m^2 tương ứng với phần đất thuộc chiết thửa 165-1 (23-1), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.747,2m^2 và phần đất thuộc chiết thửa 165-2 (24-1), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.637,0m^2; Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Hồng T3 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T1 là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1. Ông T3 giao trả lại cho ông H2 phần đất thuộc chiết thửa 165-1 (23-1), diện tích 1.747,2m^2 và phần đất thuộc chiết thửa 165-2 (24-1), diện tích 1.637,0m^2; Công nhận quyền sử dụng đất phần đất thửa 185-2 (66), tờ bản đồ số 17, diện tích 686,4m^2, loại đất cây lâu năm cùng toàn bộ cây trồng gắn liền trên cho bà Đoàn Đào V1; Không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Đinh Công T4 đối với yêu cầu được nhận một phần đất có diện tích là 338,42m^2 tại chiết thửa 23-1 và chiếc thửa 24-1, yêu cầu nhận lại giá trị tương ứng là 20.305.200 đồng; Không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị M, bà Đinh Thị H3, bà Đinh Thị Tuyết H4, bà Đinh Thị M1, bà Đặng Thị L1, ông Đặng Văn T7 đối với yêu cầu được nhận một phần đất tại chiết thửa 23-1 và chiếc thửa 24-1; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Công B đối với thửa 141, diện tích 1.552,4m^2, loại đất lúa; thửa 60, diện tích 660m^2, loại đất cây lâu năm; thửa 398, thửa 400, diện tích 190,6m^2, loại đất cây lâu năm; thửa 66 (185-2), diện tích 686,4m^2, loại đất cây lâu năm; Đình chỉ một phần yêu cầu

phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim T2, bà Đặng Thị Bé L, bà Đặng Thị H1 đối với các thửa đất thửa 141, diện tích 1.552,4m^2, loại đất lúa; thửa 398; thửa 400, diện tích 190,6m^2, loại đất cây lâu năm; thửa 66 (185-2), diện tích 686,4m^2, loại đất cây lâu năm; Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Đặng Hồng T3 đối với phần đất thuộc chiết thửa 165-1 (23-1), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.747,2m^2 và phần đất thuộc chiết thửa 165-2 (24-1), tờ bản đồ số 16, diện tích 1.637,0m^2, loại đất lúa; phần đất thuộc thửa 66 (185-2), diện tích 686,4m^2, loại đất cây lâu năm; Chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tại cấp sơ thẩm; phần án phí dân sự sơ thẩm đối với Trần Văn H2, Đinh Thị M, Đinh Công T4, Đinh Thị H3, Đoàn Đào V1 và xử lý hoàn tiền tạm ứng án phí cho các đương sự Đinh Thị Tuyết H4, Đinh Thị M1, Đặng Thị L1, Đặng Văn T7 không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- CA: 01;
- TPT-TATC tại TPHCM: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TANDKV2 - VL: 01;
- Phòng THADS KV2 - VL: 01;
- Đương sự: 23;
- HCTP: 01;
- KTNV: 01;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Nữ Phà Ca